

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KON TUM**

Số: 481 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kon Tum, ngày 03 tháng 8 năm 2022

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt kết quả xếp loại doanh nghiệp năm 2021 đối với các Công ty TNHH MTV do Ủy ban nhân dân tỉnh làm đại diện chủ sở hữu**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp có vốn Nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp có vốn Nhà nước và Thông tư sửa đổi, bổ sung số 77/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Văn bản số 6466/BTC-TCDN ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Bộ Tài chính về việc đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 2844/TTr-STC ngày 25 tháng 7 năm 2022.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả xếp loại doanh nghiệp năm 2021 đối với các Công ty TNHH MTV do Ủy ban nhân dân tỉnh làm đại diện chủ sở hữu (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này*).

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện:

1. Căn cứ kết quả xếp loại doanh nghiệp được duyệt, các Công ty TNHH MTV do Ủy ban nhân dân tỉnh làm đại diện chủ sở hữu triển khai thực hiện việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi và các nội dung liên quan theo đúng quy định hiện hành.

2. Sở Tài chính hướng dẫn các đơn vị triển khai thực hiện theo đúng quy định.

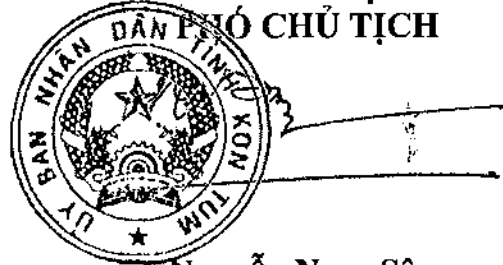
**Điều 3.** Giám đốc các Sở: Tài chính, Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch, Giám đốc các Công ty TNHH MTV do

Ủy ban nhân dân tỉnh làm đại diện chủ sở hữu và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính (*Cục TCDN*) (*b/c*);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: CVP, PCVP-Nguyễn Đức Ty;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH.rtl.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Ngọc Sâm**

**KẾT QUẢ BÀN GIÁ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC NĂM 2021**

(Kèm theo Quyết định số: 481/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

STT	Tên Doanh Nghiệp	Chỉ tiêu 1 (Đơn vị: đồng)				Chỉ tiêu 2						Chỉ tiêu 3						Chỉ tiêu 4				Thay đổi so với Kế hoạch (%)	Kết quả xếp loại						
		Kế hoạch	Thực tế	Thay đổi so với Kế hoạch (%)	Kiểm soát	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	Vốn Chủ sở hữu bình quân (tỷ đồng)	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn (%)	Kết quả xếp loại	Nợ quá hạn (tỷ đồng)	Chỉ số thanh toán nợ dài hạn	Kết quả xếp loại	Chỉ số chấp hành pháp luật (CSPT)	Tổng (H)	Ngành Bưu viễn thông và công nghệ thông tin (H)	Ngành Dệt may (H)	Tổng (H)	Ngành Bưu viễn thông và công nghệ thông tin (H)	Ngành Dệt may (H)	Tổng (H)	Ngành Bưu viễn thông và công nghệ thông tin (H)			Ngành Dệt may (H)	Tổng (H)				
A	<b>Doanh nghiệp hoạt động kinh doanh</b>	1	2	3=2/1	4	5	6	7	8	9	10	11=10/9	12	13	14	15	16=14/15	17	18	19=17/18	20	21	22=20/21	23	24	25=23/24	26	27	
1	Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết (1)	265.600	243.909	91,3%	B	16.200	35.986	50.000	50.000	32,4%	72,0%	222,5%	A	0	93.634	53.603	1,7%	A	A	49.131,33	2.861,74	46.269,59	46.951,50	2.737,31	44.194,19	93,6%	B	B	
2	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đak Tô (2)	26.988	27.157	104,5%	A	2.413	2.237	66.803	68.380	3,6%	3,3%	90,6%	B	0	18.168	27.859	0,6%	B	B	20.235,00	10.576,91	9.083,82	20.330,39	10.633,85	9.080,71	100,5%	A	B	
3	<b>Doanh nghiệp hoạt động công tác</b>	32.833	31.854	97,0%	B									0	19.408	19.766	0,8%	B	A	49.131,33	2.861,74	46.269,59	46.951,50	2.737,31	44.194,19	93,6%	B	B	
1	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plông (3)	7.166	6.427	89,4%	C									0	7.161	28	255,7%	A	A	20.235,00	10.576,91	9.083,82	20.330,39	10.633,85	9.080,71	100,5%	A	B	
2	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sa Thầy (4)	9.945	8.982	90,3%	B									0	9.112	2.551	3,57%	A	B	21.554,31	14.093,10	7.461,21	21.470,94	14.117,88	7.353,06	99,6%	B	B	
3	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hồi (5)	9.630	10.032	104,2%	A									118,0	7.474	4.161	1,9%	C	A	28.824,35	11.516,00	17.309,35	28.814,86	11.515,00	17.299,86	99,97%	B	B	
4	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia H'Drôn (6)	2.357	14.137	114,4%	A									7,3	15.076	5.715	2,64%	C	A	19.996,43	0,00	19.996,43	18.990,70	0,00	19.990,70	99,97%	B	B	
5	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đakônt (7)	23.297	20.997	90,1%	B									0	83.903	11.031	7,79%	A	A	27.709,92	0,00	27.709,92	27.680,20	0,00	27.680,20	99,9%	B	B	
6	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Rẫy (8)																												